

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-PT

Ngày: 21/3/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền.

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết;

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/3/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/TLP-HS ngày 04/01/2022 đối với bị cáo Tơ Văn Q, do có kháng cáo của bị cáo Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 193/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Tơ Văn Q, sinh năm 2000.

Trú tại: Thôn Ván B, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Tơ Văn T1 và con bà Mông Thị T2; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2021 đến ngày 03/11/2021. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Tô Văn T3, sinh năm 1999, không triệu tập.

Trú tại: Thôn Ván B, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không triệu tập.

1-Anh Bàn Phúc L, sinh năm 1999;

Trú tại: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

2- Anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm, sinh năm 1999;

Trú tại: Thôn Đ, xã Ch, huyện L tỉnh Bắc Ninh.

3- Anh Phí Đức H2, sinh năm 1992;

Trú tại: Tổ dân phố Ph, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4- Anh Trần Văn N, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

5- Anh Tơ Văn T1, sinh năm 1980, có mặt;

Trú tại: Thôn Ván B, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tơ Văn Q, sinh năm 2000 và anh Tô Văn T3, sinh năm 1999, có mối quan hệ bạn bè và đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ván B, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Q và anh T3 cùng thuê trọ ở thôn Ch, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 18 giờ ngày 08/8/2021, Q đến phòng trọ của anh T3 ở thôn Ch, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang chơi. Do không có tiền chi tiêu, biết anh T3 có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, Biển kiểm soát 98E1- 701.94 nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh T3 đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày 08/8/2021, Q nói dối anh T3: “Cho tao mượn xe về tắm, tý tao quay lại trả xe”. Vì là chỗ quen biết Q nên anh T3 đã tin tưởng Q và đã đồng ý giao chìa khóa cùng xe mô tô của mình cho Q mượn. Sau khi mượn được xe mô tô, Q một mình điều khiển xe mô tô về phòng trọ của Q tại tổ dân phố My Đ 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tại phòng trọ, Q gặp anh Tống Quang L1 sinh ngày 12/9/2004, trú tại thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang là bạn cùng phòng với Q. Anh L1 mượn xe của Q đi mua đồ ăn, Q đồng ý, đưa xe cho anh L1 mượn, còn Q đi tắm. Khoảng 30 phút sau, anh L1 về, Q một mình điều khiển xe mô tô đến Cửa hàng cầm đồ V tại tổ dân phố My Đ 2, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để gặp anh Nguyễn Tiến H1 sinh năm 1999, trú tại thôn Đ, xã Ch, huyện L tỉnh Bắc Ninh là chủ Cửa hàng cầm đồ V. Q nói với anh Tiến H1 là muốn cầm cố chiếc xe mô tô. Anh Tiến H1 có hỏi Q là “xe có giấy tờ không”, Q nói với anh Tiến H1 là: Xe mô tô do Q mua lại của bạn, giấy tờ xe Q để ở nhà, hẹn mai Q sẽ mang đến. Do xe không có giấy tờ nên anh Tiến H1 không đồng ý cầm cố mà chỉ thỏa thuận cho Q để lại xe mô tô tại Cửa hàng để làm tin. Anh Tiến H1 đồng ý chuyển trước cho Q 8.000.000 đồng, hẹn Q là khi nào Q có đủ giấy tờ thì anh Tiến H1 sẽ viết giấy biên nhận sau, Q đồng ý. Anh Tiến H1 điện thoại cho anh Phí Đức H2 sinh năm 1992, trú tại tổ dân phố Ph, thị trấn N, huyện V để nhờ anh Đức H2 chuyển khoản cho Q số tiền 8.000.000 đồng, nhưng do anh Đức H2 không có đủ tiền nên anh Đức H2 chỉ đồng ý chuyển cho Q số tiền 7.000.000 đồng và Q đồng ý. Sau đó, anh Đức H2 dùng tài khoản số 0341006849742 của mình mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển số tiền

7.000.000 đồng vào tài khoản số 107873436643 của Q mở tại Ngân hàng VietinBank. Q nhận được tiền rồi để lại chiếc xe mô tô tại Cửa hàng của anh Tiến H1 rồi đi về phòng trọ của mình. Khoảng 21 giờ ngày 08/8/2021, Q đi bộ một mình rồi rút tiền trong tài khoản của Q để chi tiêu, trên đường đi theo đường gom dân sinh đến gần cầu vượt Đình Tr thì Q bị hai thanh niên lạ mặt (Q khai không biết họ tên, tuổi địa chỉ) đánh bằng chân tay không, sau đó hai người này bỏ đi. Do bị đau, Q gọi điện cho anh Mông Văn V, sinh năm 1999; anh Bàng Văn H3, sinh năm 2000 cùng trú tại: Thôn Ván B, xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang và anh T3 đến đón Q về. Khi đến nơi, thấy Q bị thương, không thấy xe mô tô, anh T3 có hỏi Q “xe đâu” thì Q đã nói dối anh T3 là Q vừa bị Cảnh sát cơ động giữ xe. Anh T3 tin lời Q và đưa Q về phòng trọ của Q để nghỉ. Sau đó, do tin Q bị Cảnh sát cơ động giữ xe thật nên anh T3 dùng tài khoản “Tuyên T” nhắn tin với tài khoản “Tơ Văn Q” của Q qua ứng dụng Meseger hỏi Q có đi xin xe mô tô thì anh T3 sẽ đưa Giấy tờ xe mô tô của anh T3 cho Q để Q đi làm thủ tục xin xe mô tô về. Thấy anh T3 tin tưởng mình nên Q tiếp tục nói dối với anh T3 là Q sẽ đến lấy Giấy tờ xe mô tô của anh T3 để đi xin xe về; thực chất là khi có được Giấy tờ xe thì Q sẽ mang đến Cửa hàng cầm đồ V của anh Tiến H1 để vay thêm tiền. Khoảng 07 giờ ngày 09/8/2021, anh T3 bận đi làm nên gửi Giấy tờ xe mô tô của mình tại hàng tạp hóa Phương Lợi ở thuộc thôn Ch, xã T, huyện V (do bà Đinh Thị L2 sinh năm 1971 làm chủ) rồi bảo Q đến lấy Giấy tờ xe. Khoảng 10 giờ ngày 09/8/2021, Q một mình đến gặp bà Lợi lấy Giấy tờ xe mô tô rồi mang đến đưa cho anh Nguyễn Tiến H1. Thấy xe có giấy tờ nên anh Tiến H1 đồng ý cho Q cầm cố, Q viết “Hợp đồng mua bán xe” đề ngày 09/8/2021 có nội dung: Bên bán là Tơ Văn Q, bên mua là Nguyễn Tiến H1, đối tượng mua bán là xe mô tô Exciter màu đen, Biển kiểm soát 98E1- 701.94 với giá 16.000.000 đồng. Sau đó, anh Tiến H1 gọi điện nhờ anh Đức H2 chuyển thêm cho Q 8.000.000 đồng. Anh Đức H2 đồng ý, dùng tài khoản số 0341006849742 của mình mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển cho Q 8.000.000 đồng qua số tài khoản 107873436643 của Q mở tại Ngân hàng VietinBank. Tổng số tiền anh Tiến H1 đã nhờ anh Đức H2 chuyển khoản cho Q số tiền 15.000.000 đồng (Q và anh Tiến H1 đều khai mục đích là cầm cố xe nhưng lại viết Hợp đồng mua bán xe mô tô là do Q và anh Tiến H1 đã thỏa thuận là Q sẽ để lại xe tại cửa hàng 10 ngày, nếu sau 10 ngày Q không đến chuộc xe thì cửa hàng sẽ được toàn quyền xử lý đối với xe mô tô trên, số tiền Q nhận là 15.000.000 đồng nhưng anh Tiến H1 lại viết với số tiền là 16.000.000 đồng. Sau đó, Q thuê phòng tại nhà nghỉ Hùng A thuộc thôn Mỹ Đ 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang để nghỉ ngơi và gọi Đàm Văn Chủ sinh ngày 02/5/2004, trú tại thôn Công Luộc, xã Đèo Gia, huyện L, tỉnh Bắc Giang đến chơi cùng. Cùng lúc này, anh T3 liên lạc với Q qua ứng dụng Messenger hỏi Q đã lấy được xe chưa, Q nói dối anh T3 đã nhờ người quen lấy được xe và phải nộp phạt 2.000.000 đồng để anh T3 không nghi ngờ Q. Anh T3 hẹn Q mang xe đến trả cho anh T3. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/8/2021 do tiếp tục cần tiền chi tiêu cá nhân, Q liên hệ với anh Trần Văn N sinh năm 1990, trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện

Y, tỉnh Bắc Giang đang làm nghề kinh doanh mua bán xe mô tô tại khu đô thị S, xã Đ, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Q hỏi anh N “Anh có mua xe mô tô nhãn hiệu Exciter sản xuất năm 2020, có giấy tờ không ?”. Anh N đồng ý mua xe với giá 25.000.000 đồng. Q nói với anh N là xe mô tô đang cầm cố tại Cửa hàng cầm đồ V và bảo anh N cùng Q đến chuộc xe rồi Q sẽ bán lại xe mô tô cho anh N. Anh N đồng ý nhưng có việc bận nên anh N bảo anh Bàn Phúc L, sinh năm 1999, trú tại: Xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (là người làm thuê cho anh N) đi cùng Q đến chuộc xe mô tô. Anh N dùng tài khoản số 0351000787814 mở tại Ngân hàng Vietcombank của mình chuyển khoản cho anh L số tiền 16.000.000 đồng qua số tài khoản 1013048369 của anh L mở tại Ngân hàng Vietcombank để anh L lấy tiền làm thủ tục chuộc xe. Sau đó, anh L cùng Q đến Cửa hàng cầm đồ V gặp anh Tiến H1 để thỏa thuận chuộc xe ở với giá 15.500.000 đồng. Anh Tiến H1 bảo anh L chuyển số tiền 15.500.000 đồng vào tài khoản số 0341006849742 của anh Đức H2 mở tại Ngân hàng Vietcombank và anh L đồng ý chuyển tiền tiền từ tài khoản Ngân hàng của mình cho anh Tiến H1 như đã thỏa thuận. Sau khi xong thủ tục, anh Tiến H1 đưa cho anh L “Hợp đồng mua bán xe” mà Q đã viết. Anh L cầm Giấy tờ xe mô tô mang tên anh T3 và đem xe mô tô về Cửa hàng của anh N. Anh N dùng tài khoản số 0351000787814 mở tại Ngân hàng Vietcombank của mình chuyển số tiền 9.500.000 đồng còn lại vào tài khoản số 107873436643 của Q mở tại Ngân hàng VietinBank và hẹn ngày 10/8/2021, Q sẽ đến gặp anh N để 2 bên viết giấy tờ mua bán xe.

Anh T3 sau khi không thấy Q trả xe đã nghi ngờ nên đã nhiều lần gọi điện cho Q để hỏi về chiếc xe mô tô. Đến tối ngày 09/8/2021 Q nói cho anh T3 biết là Q đã mang xe đi cầm cố, anh T3 yêu cầu Q đưa đến địa chỉ nơi Q cầm cố xe để lấy Giấy tờ cầm cố mang về nói chuyện với gia đình Q để yêu cầu gia đình Q phải chuộc xe về cho mình. Khoảng 15 giờ ngày 10/8/2021, Q đưa anh T3 đến Cửa hàng của anh N, anh T3 đứng ngoài đợi còn Q vào Cửa hàng gặp anh N. Tại đây, Q đã thỏa thuận bán xe cho anh N, anh N hỏi Chứng minh nhân dân của chủ xe thì Q đã yêu cầu anh T3 chụp ảnh Chứng minh nhân dân của anh T3 gửi cho anh N. Do anh T3 nghĩ Q chỉ cầm cố xe, không biết Q thỏa thuận bán xe nên anh T3 đã chụp ảnh Chứng minh nhân dân của mình gửi cho anh N vào tài khoản “Saker Nam” qua mạng xã hội Zalo. Anh N thấy đủ giấy tờ hợp lệ nên đã yêu cầu Q viết 2 bản “Giấy bán xe” đề ngày 09/8/2021 với nội dung: Q bán cho anh N xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen, biển kiểm soát 98E1- 701.94 với giá 25.000.000 đồng, anh N ký tên người mua, Q ký tên người bán. Anh N giữ 01 bản “Giấy bán xe”, Q giữ 01 bản “Giấy bán xe”. Khi thấy Q cầm “Giấy bán xe” ra khỏi quán, anh T3 mới biết Q đã bán xe của mình nên anh T3 đã làm đơn trình báo gửi Công an xã T, huyện V. Ngày 10/8/2021, Q đã đến Công an xã T ra đầu thú, giao nộp 01 bản “Giấy bán xe” đã ký kết với anh N và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Công an xã T đã bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 10/8/2021, sau khi biết chiếc xe mô tô do Q bán cho anh N là tài sản do phạm tội mà có nên anh N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra gồm: Xe mô tô có Biển kiểm soát 98E1- 701.94; 01 đăng ký xe mô tô mang tên anh Tô Văn T3; 01 bản “Giấy bán xe”; 01 bản “Hợp đồng mua bán xe” giữa Q và anh Tiến H1

Ngày 10/8/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại do anh T3 tự nguyện giao nộp, tại ứng dụng Messenger, Zalo đều có các tin nhắn có nội dung thể hiện Q nhắn tin với anh T3 để Q lấy Giấy tờ xe mô tô của anh T3 đi làm thủ tục xin xe; Q thừa nhận việc mang xe mô tô của anh T3 đi cầm cố. Cơ quan điều tra đã trích sao nội dung các tin nhắn ra giấy A4 cho anh T3 và Q ký xác nhận.

Trong các ngày 11/8/2021, 12/8/2021, 13/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có Công văn số 635, 637, 758, 759 đề nghị Ngân hàng Vietcombank cung cấp các giao dịch giữa các tài khoản của Tơ Văn Q, anh Phí Đức H2, anh Bàn Phúc L, anh Trần Văn N liên quan đến việc cầm cố, mua bán xe. Kết quả sao kê giao dịch các tài khoản đều phù hợp với lời khai của anh anh Phí Đức H2, anh Bàn Phúc L, anh Trần Văn N và Tơ Văn Q.

Ngày 11/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V điều yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá chiếc xe mô tô trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 96/KL-HĐĐGTS ngày 13/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, Biển kiểm soát 98E1- 701.94 có giá trị là 40.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 185/CT- VKS ngày 03/11/2021 của VKSND huyện V đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử bị cáo Tơ Văn Q về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo khoản 1, Điều 174 BLHS.

Bản án hình sự sơ thẩm số 193/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang đã căn cứ khoản 1 Điều 174, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tơ Văn Q 01 năm 06 tháng (một năm sáu tháng) tù, về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2021 đến ngày 03/11/2021.

Về án phí HSST: Căn cứ khoản 2, Điều 136 của BLTTHS; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tơ Văn Q.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2021 bị cáo Tơ Văn Q nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Tơ Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo vì gia đình có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Tơ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy có đủ căn cứ cho bị cáo Tơ Văn Q được hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo Q được hưởng án treo.

Bị cáo không có tranh luận và nói lời sau cùng: Đề nghị xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 08/8/2021, tại phòng trọ ở thôn Ch, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, bị cáo Tơ Văn Q đã có hành vi gian dối, chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn đen, biển kiểm soát 98E1- 701.94 có giá trị 40.000.000 đồng của anh Tô Văn T3.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

* Xét kháng cáo của bị cáo Q xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy: Bị cáo Tơ Văn Q được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo là dân tộc, sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên có nhiều hạn chế về nhận thức. Bị cáo có nơi cư trú ổn định và có đủ

điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết buộc phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương trong một thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành con người tốt

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo Q được hưởng án treo là phù hợp với các quy định của pháp luật và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Tơ Văn Q được chấp nhận nên bị cáo Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm e, khoản 1, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tơ Văn Q, sửa bản án sơ thẩm: Giữ nguyên mức hình phạt tù của bị cáo Tơ Văn Q nhưng cho bị cáo Tơ Văn Q hưởng án treo.

[2] Căn cứ khoản 1, Điều 174, điểm b, i, s, khoản 1, và khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tơ Văn Q 01 năm, 06 tháng (một năm sáu tháng) tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Q cho UBND xã Ph, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2, Điều 136 BLTTHS; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tơ Văn Q.

[4]. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm d, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: Bị cáo Tơ Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Minh Hiền

Nguyễn Thị Hương Giang Đặng Văn Quyết Phạm Thị Minh Hiền

thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2021 đến ngày 03/11/2021.